TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2018/HNGĐ-PT
Ngày: 06-8-2018
V/v "Tranh chấp ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Tuyền.

Các Thẩm phán: - Bà Trần Thị Kim Sang;

- Bà Phạm Thị Thanh Giang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Ngân, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Sinh - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 14/2018/TLPT-HNGĐ ngày 08-5-2018 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung". Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 28/2018/HNGĐ-ST ngày 23 tháng 3 năm 2018 của Toà án nhân dân Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 21/2018/QĐ-PT ngày 29 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị T, sinh năm 1987, cư trú tại: Khu phố N, phường S, thành phố T, tỉnh Tây Ninh. Tạm trú: Ấp K, xã C, Huyện D, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Trần Thanh H– Luật sư của Văn phòng Luật sư T thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Tây Ninh; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn E, sinh năm 1983, cư trú tại: Khu phố N, phường S, thành phố T, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Huỳnh Thị H, sinh năm 1957, cư trú tại: Khu phố N, phường S, thành phố T, tỉnh Tây Ninh.

2. Bà Nguyễn Thị R, sinh năm 1965, cư trú tại: Khu phố L, phường S, thành phố T, tỉnh Tây Ninh.

3. Bà Nguyễn Thị Thanh T1, sinh năm 1963, cư trú tại: khu phố T, phường S, thành phố T, tỉnh Tây Ninh.

- *Người kháng cáo:* Anh Nguyễn Văn E là nguyên đơn.

Do kháng cáo không liên quan đến những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nên Tòa không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 16-11-2017 và trong quá trình giải quyết, xét xử vụ án, nguyên đơn - chị Phạm Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân:

Chị và anh Nguyễn Văn E chung sống như vợ chồng từ năm 2003 đến ngày 12-12-2005 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường S, thành phố T, tỉnh Tây Ninh. Trong quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, anh E có người phụ nữ khác, chị đã khuyên nhiều lần nhưng không thay đổi nên vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn. Tháng 4-2017, chị đã gửi đơn xin ly hôn đến Tòa án nhân dân Thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh nhưng sau đó chị rút đơn và Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án ngày 19-5-2017. Hiện nay vợ chồng không còn tình cảm và đã ly thân nên chị yêu cầu được ly hôn với anh E.

Về con chung: Có 01 con tên Nguyễn Thanh B, sinh ngày 24-9-2004 hiện đang sống với chị Phạm Thị T. Chị yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh chị tự thỏa thuận trả số nợ cho bà Huỳnh Thị H, bà Nguyễn Thị R, bà Nguyễn Thị Thanh T1, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu có ai khởi kiện thì anh chị đồng ý giải quyết ở vụ án khác.

Bị đơn - anh Nguyễn Văn E trình bày:

Anh thống nhất với chị T về thời gian chung sống, đăng ký kết hôn, con chung, tài sản chung, nợ chung như chị T trình bày là đúng. Anh chị chung sống đến tháng 02-2016 phát sinh mâu thuẫn, chị T lấy hết tài sản và bỏ đi đến tháng 06-2016 quay về chung sống, đến tháng 02-2017 chị T bỏ đi khỏi địa phương đến nay. Anh E không đồng ý ly hôn vì còn thương vợ, thương con, xin đoàn tụ và lý do vợ chồng còn nợ bà H và nợ những người khác (bà R, bà T1). Nếu chị T cương quyết ly hôn thì anh đồng ý, xin được nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng.

Trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

+ Bà Huỳnh Thị H trình bày: Bà có cho anh E và chị T mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và ký giấy đảm bảo thế chấp tài sản cho Ngân hàng để vợ chồng chị T vay số tiền 300.000.000 đồng và hứa trong một năm sẽ trả, đến hạn chị T và anh E không trả được nên vợ chồng bà đã trả số tiền trên cho Ngân

hàng. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bà H không yêu cầu trả nợ trong vụ án này, để anh E, chị T thỏa thuận, nếu anh chị không trả nợ thì bà sẽ khởi kiện ở vụ án khác.

+ *Bà Nguyễn Thị R trình bày*: Vào tháng 5-2015 âm lịch, bà có cho chị T và anh E vay số tiền 6.200.000 đồng, không tính lãi suất, mục đích vay tiền để trả nợ cho người khác. Nay chị T xin ly hôn với anh E, bà không khởi kiện trong vụ án này, để anh chị tự thỏa thuận, nếu không trả bà sẽ khởi kiện ở vụ án khác.

+ *Bà Nguyễn Thị Thanh T1 trình bày:* Ngày 01-12-2015 âm lịch, bà có cho chị T, anh E vay số tiền 150.000.000 đồng, không tính lãi suất, mục đích vay tiền để trả nợ cho người khác. Ngoài ra, anh E và chị T còn mượn bà số tiền 300.000.000 đồng để mua xe, số nợ này đã trả được 30.000.000 đồng, hiện nay còn nợ 420.000.000 đồng. Nay chị T xin ly hôn với anh E, bà không khởi kiện trong vụ án này, sẽ khởi kiện ở vụ án khác.

Tại phiên tòa sơ thẩm người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về hôn nhân, con chung; phần tài sản chung, nợ chung không yêu cầu giải quyết.

Tại bản án số: 28/2018/HNGĐ-ST ngày 23-3-2018 của Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh đã quyết định:

Căn cứ Điều 51, 53, 54, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chấp nhận đơn của chị Phạm Thị T xin ly hôn với anh Nguyễn Văn E. Cho chị Phạm Thị T ly hôn với anh Nguyễn Văn E.

2. *Về con chung:*

Giao cháu Nguyễn Thanh B, sinh ngày 24-9-2004 cho chị Phạm Thị T trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng.

Anh Nguyễn Văn E có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. *Về tài sản chung:* Chị Phạm Thị T, anh Nguyễn Văn E tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. *Về nợ chung:* Chị Phạm Thị T, anh Nguyễn Văn E tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. *Về án phí:* Chị Phạm Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn) đồng, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai

thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0004823 ngày 20-11-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Tây Ninh.

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 03-4-2018, anh Nguyễn Văn E kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm số: 28/2018/HNGĐ-ST ngày 23-3-2018 của Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tuyên giao cháu Nguyễn Thanh B, sinh ngày 24-9-2004 cho anh E nuôi dưỡng.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Anh Nguyễn Văn E và chị Phạm Thị T đều yêu cầu được nuôi con, hai bên không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giao con chung cho chị T được nuôi dưỡng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ khoản 1, Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Văn E; giữ nguyên bản án sơ thẩm số 28/2018/HNGĐ-ST ngày 23-3-2018 của Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, xét thấy:

[1] Xét kháng cáo của anh Nguyễn Văn E yêu cầu được nuôi con chung là cháu Nguyễn Thanh B, thấy rằng:

Hiện nay cháu B đang sống cùng với chị T, quá trình giải quyết ở cấp sơ thẩm cũng như tại phiên tòa phúc thẩm cháu B có nguyện vọng được sống với mẹ (chị T); chị T có nghề nghiệp, có thu nhập ổn định, chị đảm bảo có đủ điều kiện nuôi, dạy con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "*Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con*". Xét thấy, cháu B có nguyện vọng được sống cùng với mẹ, chị T có thu nhập ổn định. Tòa án cấp sơ thẩm tuyên giao con chung cho chị T nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật. Vì vậy, cần tiếp tục giao chị T nuôi con chung, chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên ghi nhận.

Anh E kháng cáo nhưng không chứng minh được có điều kiện nuôi con đảm bảo tốt hơn chị T nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[2] Về án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm: Tại khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTVQH quy định về án phí lệ phí Tòa án quy định: Đương sự kháng cáo phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, nếu Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm. Do kháng cáo của anh E không được chấp nhận nên anh E phải chịu án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Văn E; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ Điều 51, 53, 54, 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị T đối với anh Nguyễn Văn E.

2. Về con chung:

Giao cháu Nguyễn Thanh B, sinh ngày 24-9-2004 cho chị Phạm Thị T trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Ghi nhận chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Văn E có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị Phạm Thị T và anh Nguyễn Văn E tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị Phạm Thị T và anh Nguyễn Văn E tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí:

5.1. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Phạm Thị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số 0004823 ngày 20-11-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Tây Ninh.

5.2. Án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm: Anh Nguyễn Văn E phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí anh

E đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số 0005307 ngày 05-4-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Tây Ninh.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TANDTP. Tây Ninh;
- CCTHADSTP. T;
- Phòng KTNV&THAHS Tòa án tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Trương Thị Tuyền